

KHOẢNG CÁCH GIỮA THƠ TRẦN TUẤN KHẢI VÀ PHONG TRÀO THƠ MỚI VỀ PHƯƠNG DIỆN HÌNH THỨC THỂ LOẠI

Nguyễn Bá Thành (*)

Phân định thơ Trần Tuấn Khải trong quan hệ giữa Trung đại và Hiện đại, giữa cổ và kim tác giả Nguyễn Phương Chi cho rằng Trần Tuấn Khải là “một trong những dấu nối giữa thơ ca cổ và thơ ca hiện đại”[4]. Đó là một nhận xét xác đáng. Nhưng cái danh hiệu *dấu nối* ấy đã được nhiều người dùng để chỉ Nguyễn Thượng Hiền và Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, chẳng hạn, Trần Đình Hượu, Lê Chí Dũng [5]. Tuy nhiên, cùng là dấu nối, nhưng Trần Tuấn Khải khác với Nguyễn Thượng Hiền và khác với Tản Đà. Trong 3 người này thì Trần Tuấn Khải sống với đời sống hiện đại nhiều hơn cả nhưng thơ ông lại gần với thơ truyền thống nhất, kể cả thơ bác học và thơ dân gian. Nếu xét thơ trên các mặt: tình (emotion), điệu (rythm, tone) và thức (form), chúng tôi thấy rằng, Trần Tuấn Khải còn cách Thơ Mới một khoảng khá xa về phương diện thể loại.

Á Nam Trần Tuấn Khải sinh năm 1895, mất năm 1983. Cuộc đời của ông nằm gần trọn trong thế kỷ XX, thế kỷ biến thiên dữ dội nhất của dân tộc Việt Nam vì bão táp của chiến tranh và cách mạng, một thế kỷ mở đầu bằng Phong trào Duy tân và kết thúc bằng Công cuộc Đổi mới. Có thể nói đó là thế kỷ vươn tới hiện đại hoá của dân tộc Việt Nam về mọi phương diện, kinh tế và văn hoá, vật

chất và tinh thần, xã hội và thơ ca. Một thế kỷ mà dân tộc Việt Nam gánh chịu mọi đau thương và gian khổ để vượt qua tình trạng dã man, tình trạng bán khai, tiến lên hoà nhập với nhân loại về văn minh, văn hoá. Công cuộc vận động để tự đổi mới ấy đã diễn ra trên một trăm năm nay, từ đầu thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI. Quá trình hiện đại hoá của thơ ca Việt Nam song hành cùng quá trình hiện đại hoá của dân tộc trên mọi phương diện văn hoá và xã hội.

Phong trào Duy Tân có thể nói đã cắm một cái mốc đầu tiên trong thế kỷ XX để ghi nhận khát vọng đổi mới, khát vọng hiện đại hoá của người Việt Nam theo xu hướng dân chủ. Tập thơ đầu của Trần Tuấn Khải *Duyên nợ phù sinh I (Kim sinh luy (KSL))* xuất hiện sau Phong trào Duy Tân hàng chục năm, nhưng tinh thần duy tân không những không nguội tắt mà vẫn còn rất sôi động. Tự do, dân chủ, bình đẳng, bác ái, dân quyền, nhân quyền... vẫn là những danh từ rất hấp dẫn được truyền bá ngày càng rộng rãi. Khát vọng tự do, dân chủ có thể coi là yếu tố đầu tiên để xác định xu hướng hiện đại hoá. Tinh thần dân chủ được thể hiện mạnh mẽ trong thơ ca yêu nước và cách mạng từ đầu thế kỷ XX. Còn ý thức tự do thì thực sự đã bùng nổ trong thơ Tản Đà và đặc biệt là trong

(*) PGS.TS., Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.

Phong trào Thơ Mới 1932-1945. Ý thức tự do mạnh mẽ đã làm xuất hiện cái tôi trữ tình trực tiếp trong thơ và sự đổi mới toàn diện của văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945. Nhưng cả tinh thần dân chủ cách mạng và ý thức tự do ấy đã không chi phối tư duy thơ của Trần Tuấn Khải.

Nét mới của tình cảm trong thơ đầu thế kỷ XX là màu sắc chính trị. Màu sắc ấy khác biệt với màu sắc đạo đức trong thơ ca cổ. Tình cảm trong thơ Trần Tuấn Khải đa số chưa mang màu sắc chính trị mà vẫn đậm màu sắc đạo đức. Ngay trong những bài viết trực tiếp về nước nhà thì tác giả vẫn đứng từ góc độ truyền thống, góc độ nho giáo. Chẳng hạn bài *Hai chữ nước nhà* thể hiện tinh thần chống ngoại xâm, nhưng những tình cảm đó được lồng ghép vào trong lời khuyên của Nguyễn Phi Khanh đối với Nguyễn Trãi:

Giống Hồng Lạc hoàng thiên đã định,

Mấy nghìn năm suy thịnh đổi thay.

Giới nam riêng một cõi này,

Anh hùng hiệp nữ xưa nay kém gì!

Tình cảm trong thơ Trần Tuấn Khải (qua tập *Kim sinh lục*) là những tình cảm truyền thống vừa mang chất Nho lại vừa mang chất Phật. Một nhà nho xuất thế nhìn cuộc đời như giấc mộng: “Cuộc phù sinh như giấc mộng đêm thu” (*Hồn lục*, KSL, tr.28). Nhưng tư tưởng nhập thế an dân trị quốc, gánh vác sơn hà vẫn đeo đuổi nhà thơ. Tình cảm yêu nước có khi được thể hiện qua khẩu khí của kẻ nam nhi: “hai vai thân thế, một gánh giang san” (*Hồn lục*, KSL, tr.28). Điều này không riêng Trần Tuấn Khải mà chung cho các nhà nho khác như Phan Bội Châu:

Còn trời, còn đất, còn đây đây,

Ai nấy chia nhau gánh một phần.

(Tặng thanh niên, Phan Bội Châu, t.5, tr.93)

hay Tản Đà trong bài “*Xuân sâu*”:

Non sông thề với hai vai,

Quyết đem bút sắt mà mài lòng son.

Sự giống nhau giữa thơ Trần Tuấn Khải với thơ nhà nho thời Trung đại trước hết là ở màu sắc đạo đức, tính giáo huấn, răn đời, ở quan niệm cứu nước như là một cách hành đạo, thể hiện tấm lòng ái quốc của kẻ nam nhi. Nhưng so với các nhà nho chí sĩ cách mạng như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh... thì tình cảm và ý chí của Á Nam Trần Tuấn Khải khiêm nhường và ảm lảnh hơn. Văn thơ của Trần Tuấn Khải chưa có được cái giọng điệu trống chiêng, gươm súng của các nhà cách mạng “trời đầu khét tiếng” ấy. Tình cảm trong thơ Trần Tuấn Khải gần với tình cảm trong thơ Nguyễn Khuyến, Tản Đà... hơn là với thơ các nhà cách mạng. Tình cảm yêu nước trong thơ Trần Tuấn Khải được biểu hiện trong những cách nói phóng dụ, cách nói bóng gió. Chẳng hạn trong bài *Gánh nước đêm*, tác giả mô tả một người con gái trên vai kiu kịt nặng gánh nước sông giữa đêm tối mịt mùng, nhưng chủ ý là để ám chỉ gánh nặng nước non mà đáng lẽ kẻ nam nhi phải làm:

*Cái bước đêm khuya thân gái ngại
ngùng.*

*Nước non gánh nặng, cái đức ông
chồng hay hỡi có hay?*

(Kim sinh lục, tr.49)

Biểu hiện tình cảm yêu nước như thế là một cách nói gián tiếp, có khi rất yếu ớt, và chỉ là một lối chơi chữ rất tầm thường. Muốn đả phá tư tưởng bán nước theo nghĩa chính trị, Trần Tuấn Khải mượn hình ảnh cô gái bán nước theo nghĩa thực. Cách liên tưởng như vậy hình như quá nhẹ để ám chỉ những kẻ làm tay sai, bởi vì Trần Tuấn Khải không nói về những cô gái lấy Tây:

Người ta lấy khách, lấy Tây,

Cũng sang trọng chán, cô rầy không theo,

Hỡi cô kiếm được bao nhiêu,

Mà cô đem bán nước liêu hỡi cô?

(Hỡi cô bán nước, KSL, tr.50)

Lối nói phóng dụ, ngụ ngôn như vậy là rất phổ biến trong thơ Trần Tuấn Khải. Vào năm 1924, nhà thơ mắng mỏ con chim hoàng oanh nháy nhót múa may trong cái lồng, ngụ ý chửi Hoàng Cao Khải (theo chú thích dưới bài thơ). Hơn 40 năm sau, lối ví von, phóng dụ ấy vẫn lặp lại trong bài *Chó nhai xương chó*, và câu triết lý mang ý nghĩa rắn đê, phê phán làm ta liên tưởng đến những kẻ đồng loại, đồng bào đang ăn thịt lẫn nhau:

Cùng nòi, cùng giống khác đâu.

Mà nhai nuốt lẫn để cầu béo thân.

Lối nói gián tiếp, ví von cạnh khoé để khuyên răn đạo đức như thế ta ít bắt gặp trong Thơ Mới.

Xét về quan niệm nghệ thuật, thơ của Trần Tuấn Khải gần với thơ của các nhà nho thời trung đại hơn là thơ hiện đại. Làm thơ là *thuật hoài*, là *mạn hứng*, là *tức cảnh*, ghi lại những cảm xúc tức

thời về nhân sinh thế sự “Việc văn chương, ngàn xưa tắc dạ, ba sinh hương lửa, trăm mối tơ tầm! Khóc khóc, than than, cười cười nói nói, chẳng qua là cảnh tượng phù sinh hoặc cũng vấn vương chi đấy!” (*Hồn luy*, KSL, tr. 28). Trần Tuấn Khải đã trình bày tâm sự của mình trong một lời đề tựa mang tính chất nhân tình thế thái như vậy. Gần 30 năm sau (đến cuối những năm 40), thì tình cảm của nhà thơ vẫn như không có gì thay đổi. Ông vẫn mang tâm sự ưu thời mẫn thế của một nhà nho cảm cảnh cuộc đời dâu bể, muốn giải bày cùng các khách làng văn và bạn bầu quen thuộc: “Sau năm 1948, tôi vì hoàn cảnh bắt buộc, lại phải về đất Thăng Long. Chốn cũ người xưa, chứa chan tình cảm, sao dòi vật đổi, đầy rẫy thê lương! Lắm lúc muốn đem “Ngọn bút quan hoài” vẽ vờ tâm sự, song càng trông cảnh thế, càng rồi can tràng, suy nghĩ đắn đo cũng thấy nghẹn ngào khó thành văn thể” (*Mấy lời bộc bạch*, KSL, tr.31).

Điều đáng nói ở đây là vào giữa những năm 30 của thế kỷ trước, khi tình hình chính trị xã hội của quốc gia đã đến thời sục sôi, bùng nổ, thì quan niệm văn chương của Trần Tuấn Khải vẫn nằm trong khuôn khổ quan niệm văn chương thuần túy, văn chương thoát ly đời sống xã hội, coi đời sống xã hội là chuyện bề dẫu, văn chương không nên dây vào:

Thôi thế ấy, mặc trò đời cho thế ấy!

Này hỡi bạn triết nhân đâu đấy,

Biết đời ra đừng chuốc lấy chuyện vu vơ.

Mảnh tâm linh hò hẹn với ngày xưa,

Lấy giọng hát câu thơ làm ihú,

Múa ngọn bút phá toang lò kim cổ,

*Dem khuôn Trần đúc thử lại ta chơi,
Văn chương riêng mở cõi đời,
Mặc thây dâu bẻ thợ trời xoay quanh.
(Với văn chương, KSL, tr.89)*

Nói là *mặc thây dâu bẻ thợ trời xung quanh* như thế, nhưng rồi thơ Trần Tuấn Khải đã không hoàn toàn thoát ly đời sống chính trị xã hội. Cũng như thơ Tản Đà, thơ Trần Tuấn Khải chứa đựng những tâm sự yêu nước thâm kín. Chẳng hạn, ngắm cảnh Hồ Gươm, tác giả nêu lên một câu hỏi đầy lòng tri ân đối với tổ tiên, nòi giống:

*Đài nghiên tháp bút chưa mòn,
Hỏi ai tô điểm nên non nước này?
(Thăm Hồ Gươm, KSL, tr.121)*

Tình cảm mang màu sắc đạo đức Nho giáo; quan niệm thơ cũng mang tính chất Nho giáo thì hình thức và thể loại của thơ Trần Tuấn Khải không thể cách tân được. Nhưng như trên đã phân tích, Trần Tuấn Khải sống trong một không khí xã hội đang hàng ngày hàng giờ chuyển động theo hướng Âu hoá. Tinh thần hiện đại hoá ấy trước hết thấm vào tầng lớp trí thức: “Trí thức của thời đại bắt đầu nghe nói đến lối học mới, lối văn mới. Họ mơ màng nhìn thấy cả một thế giới mới mẻ thênh thang. Họ biết rằng đời sống tinh thần ngoài kia còn có một vũ trụ mới của khoa học, của kỹ xảo huyền diệu, tinh vi... và bao nhiêu thứ học khác nữa, “mỗi ngày một mới, mỗi tháng một lạ!” Một cảm giác đột ngột: thì ra lâu nay các cụ đồ nhà ta chỉ là một lũ “ếch ngồi đáy giếng thấy bao nhiêu giờ?”[3]. Trong bối cảnh đổi mới mạnh mẽ như thế, các nhà thơ dù có mang tinh thần hoài cổ, dù có bài xích lối sống Âu

Tây, thì vẫn cảm thấy cái sáo mòn, cái xơ cứng của hình thức cũ, thể loại cũ.

Có được tinh thần dân chủ và ý thức tự do nhất định, các nhà thơ Việt Nam lúc này đang đi tìm những cách biểu đạt mới, những hình thức mới, những thể loại mới. Về mặt từ ngữ thì *hình thức* (Form), *loại* (Kind) và *thể loại* (Genre) là ba khái niệm khác nhau. Nhưng trong các công trình lý luận bàn về thơ của ta thường có xu hướng đồng nhất hình thức của thơ với thể thơ, loại thơ và thể loại thơ. Chẳng hạn, nhận định sau đây: “Nhìn lại, *các hình thức* thơ ca cổ truyền của ta từ thể hai từ, thể ba từ là hai *thể cơ bản* ..., cho đến hai thể xuất sắc nhất và phổ biến nhất là *thể lục bát* và *lục bát gián thất*, chúng ta thấy rằng tác dụng và ảnh hưởng giữa các thể không đồng đều” [2]; “Trong mấy nghìn năm lịch sử, thơ ca của chúng ta có rất nhiều *thể loại*, nhưng phần lớn những *thể loại* bị nhân dân ta lãng quên sớm hơn chính là những *thể loại* thơ ca mô phỏng nước ngoài, riêng các *thể* thơ ca cổ truyền là những *thể* sống mãi với chúng ta và làm cơ sở cho nền văn học dân tộc”[2]. Nhận thức rằng thể loại và hình thức của thể loại là thống nhất, thậm chí đồng nhất không phải chỉ riêng các nhà nghiên cứu Việt Nam, một số công trình lớn nghiên cứu về thơ ở nước ngoài cũng quan niệm như vậy. Loại và thể giúp ta xác định cấu trúc của bài thơ, ý nghĩa trước tiên của hình thức là chỗ đó. (The kind and genre is then conceived to determine the structure of the poem, wich is the previous meaning of form)[1].

Trần Tuấn Khải, là một người đã có công trong việc phá vỡ các thể loại cũ bằng một loạt những bài thơ thất luật.

Hình thức thể loại trong thơ của Trần Tuấn Khải, ngoại trừ một số bài lục bát và song thất lục bát, nhìn một cách khái quát là sự phá vỡ hình thức cũ, thể loại cũ của thơ ca bác học để thay bằng thể ca trù, hát xẩm dân gian, hay bằng sự biến thể của thơ lục bát. Chẳng hạn bốn bài thơ về anh Khoá và bài *Gánh nước đêm* viết vào những năm đầu thế kỷ XX (ngoại trừ bài *Mừng anh Khoá* về viết vào năm 1975), đều được thể hiện bằng lục bát biến thể:

*Anh Khoá ơi! Anh ra đi mây nước
muôn trùng*

*Em trở về vò võ phòng không một
mình,*

*Với trông theo tàu ngoặt khúc sông
quanh,*

*Sông bao nhiêu nước, giọt lệ tình em
bấy nhiêu...*

**(Tiễn chân anh Khoá xuống tàu,
KSL, tr.40)**

Cách làm này không chỉ riêng Trần Tuấn Khải mà của cả Tản Đà và nhiều người cùng thời. Chẳng hạn, Tản Đà viết:

Nước trong xanh lơ lửng con cá vàng,

*Cây ngô cành bích con chim phượng
hoàng nó đậu cao,*

Anh tiếc cho em phận gái má đào,

*Tham đồng bạc trắng mới gán mình
vào cho cái chú Tây đen,*

Sợ tơ hồng ai khéo xe duyên!

*Treo tranh tố nữ đứng bên anh tượng
đồng.*

**(Con cá vàng, trích theo Trần
Đình Hượu, ...)[6].**

Tình cảm trong thơ và quan niệm thơ của Trần Tuấn Khải vẫn nằm trong quỹ

đạo của thơ cổ, nhưng những thể thơ đường luật như thất ngôn bát cú hay tứ tuyệt lại ít được sử dụng. Chỉ có 6 bài thất ngôn bát cú và 2 bài tứ tuyệt trong số 66 bài thơ được tuyển chọn. Nhìn chung, thơ Trần Tuấn Khải vẫn là thơ luật, những cải biên ít ỏi của ông không gây cho ta ấn tượng về thể loại. Có đến hơn bốn chục bài thơ bao gồm các thể lục bát, song thất lục bát, thơ 7 chữ, thơ đường luật (60%), nghĩa là thơ luật vẫn chiếm đa số. Số còn lại cũng chưa phải là thơ tự do hoàn toàn mà chỉ là biến thể của lục bát hoặc song thất lục bát. Có tới 13 bài là lục bát biến thể (khoảng 20%). Điều đáng chú ý là hầu hết các bài này đều là thơ dài, chẳng hạn bài *Nỗi vợ chồng Ngâu* dài đến gần 60 dòng, và thường thường được chia thành nhiều khổ, mỗi khổ 4 dòng.

Khẳng định rằng hình thức thể loại trong thơ Trần Tuấn Khải vẫn thuộc phạm trù thơ cổ điển, thơ truyền thống, chúng tôi không chỉ căn cứ trên con số thống kê như trên, mà còn chú ý tới sự xuất hiện cá biệt của một số thể loại hiếm. Chẳng hạn thể *từ* mà Trần Tuấn Khải gọi là từ khúc: Từ khúc *Thương xuân* và Từ khúc *Trầm hoa khúc*, *Lâm giang khúc*. Từ là một thể thơ đặc biệt có gốc từ văn học Trung Hoa, xuất hiện vào đời Đường và rất hiếm khi được các nhà thơ Việt Nam sử dụng. Trần Tuấn Khải đã tỏ ra có năng khiếu đặc biệt trong thể thơ này, ông đã mô tả cảnh xuân tàn:

Hoa tàn nhị úa,

Phấn nhạt hương phai,

Tường đông ong bướm vắng tăm hơi

Xuân ơi! Xuân ơi!

Mặt nước sông Hoàng ngọn sóng khơi,

*Cửa chùa Hương Tích bóng chiều soi
Cành cây ve gióng,
Ngọn cỏ quyên chơi,
Bẻ bẻ dâu dâu ngán nỗi đời,
(Từ khúc Thương xuân, KSL, tr.69)*

Nhà thơ vịnh một người phụ nữ vì nghĩa lớn đã nhảy xuống sông tự vẫn khi giặc tra tấn. Có lẽ đây là bài thơ bộc lộ thái độ yêu nước, căm thù giặc một cách trực tiếp nhất của Trần Tuấn Khải:

*Phận tôi tớ hết niềm trung thảo,
Nghĩa phu thê trọn đạo xướng tuý,
Hồng nhan khi lặn đận,
Quốc vận lúc gian nguy.
Đoái trông khói bạc vây thành Định,
Xa tưởng mây vàng khuất cửa Thi.
(Từ khúc Trầm hoa khúc, KSL, tr.70)*

Như vậy có thể kết luận rằng, nhà thơ Trần Tuấn Khải là một trong những người đi tiên phong trong công cuộc đổi mới thể loại cho thơ truyền thống Việt Nam. Những bài thơ lục bát biến thể là biểu hiện nỗ lực của nhà thơ trong việc cải biên thể loại. Thành công của nhà thơ cũng gắn liền với các bài lục bát biến thể ấy. Những nỗ lực của Trần Tuấn Khải vẫn chưa đạt được hiệu quả cao. Rất nhiều bài thơ vẫn để lại dấu vết của sự chấp nối, pha trộn của các thể thơ khác nhau (*Đêm không ngủ, Với văn chương, Non sông gánh nặng, tình trường gặp gỡ...*). Câu thơ, dòng thơ vẫn chưa đạt được tính ổn định về phương diện thể loại của giai đoạn Thơ Mới.

Một thể thơ rất tiêu biểu của Phong trào Thơ Mới là thể thơ 8 chữ. Có nhiều giả thiết cho rằng thể 8 từ đã bắt nguồn từ thể hát nói trong thơ ca dân gian.

Những bài thơ trong tập *Kim sinh lục* càng tạo cho ta khẳng định thêm giả thiết trên. Chẳng hạn bài *Tình trường gặp gỡ* có đoạn:

*Chốn tình trường sớm sớm với hôm hôm,
Hỏi vàng đá sắt son ai vững chử?
Đã mạng tiếng đa tình trong vũ trụ,
Gánh chung tình xin chớ để nhường ai,
Tiện đây nhắn một đôi lời...*

(*Kim sinh lục*, tr.81)

Hay trong bài *Nhấn trời* nhà thơ đã dùng thể hát nói và thể thơ 8 chữ đã hình thành.

Như vậy, có thể nói rằng, về phương diện hình thức thể loại, thơ Trần Tuấn Khải vẫn nằm trong quỹ đạo của thơ cổ nhưng trong đó có một thể thơ mới đang manh nha, và sau này nó sẽ là thể thơ tiêu biểu của Phong trào Thơ Mới: Thể thơ 8 chữ. Đóng góp của Trần Tuấn Khải là cùng với các nhà thơ như Tản Đà, Nguyễn Thượng Hiền... đã phá vỡ cấu trúc của các thể thơ truyền thống và giúp hình thành nên các thể thơ mới.

Mặc dù về thành tựu, thơ Trần Tuấn Khải không thể so với Nguyễn Thượng Hiền, Tản Đà, nhưng về phương diện đóng góp cho sự thành công của thể loại, Trần Tuấn Khải đã ít nhiều có tiếng nói trong quá trình hiện đại hoá thơ Việt Nam.

Cuối cùng, chúng tôi muốn nói đôi điều về nhịp điệu và âm điệu trong thơ Trần Tuấn Khải. Có thể nói Trần Tuấn Khải đã làm phong phú cho hình thức thể loại thơ Việt Nam giai đoạn đầu thế kỷ XX bằng cách đưa vào thơ nhiều điệu thơ và ca dân dân gian. Nhà thơ ghi rõ tên một số làn điệu dưới đầu đề bài thơ. Chẳng hạn, *Cảm tình ai* (Điệu Nam

Bằng), *Non sông gánh nặng* (Điệu Nam Ai), *Nạn hồng thủy* (Điệu Hành Vân), các bài *Đề quyền Duyên nợ phù sinh*, *Vịnh Thủy hử*, *Tình trường gặp gỡ*, *Nhấn trời...* đều có cấu trúc hai phần, Mưỡu và Hát nói. Ngoài ra, thơ ông cũng dành một phần rất đáng kể cho thể Hát xẩm, mà theo chúng tôi, đây là mặt mạnh của thơ Trần Tuấn Khải. Thơ ông không những vận dụng lối hát xẩm mà còn có nhiều bài viết trực tiếp về anh xẩm: *Xẩm cãi thiên văn*, *Bác xẩm*, *Anh đồ...* Có thể nói, anh xẩm là một nhân vật trữ tình rất tiêu biểu trong thơ Trần Tuấn Khải. Nếu như ông đồ già trong thơ Vũ Đình Liên ở giai đoạn Thơ Mới tạo cho ta, một tình cảm trân trọng, tiếc nuối cái truyền thống đang mai một dần đi, thì anh đồ của Trần Tuấn Khải lại giải thích cho ta cái căn nguyên của sự mai một ấy. Nghĩa là trước khi ông đồ trở về già bày mực tàu giấy đỏ ở góc phố với cảnh lá vàng rơi trên giấy, ngoài gò mưa bụi bay trong thơ Vũ Đình Liên thì trước đó anh đồ, anh khoá trong thơ Trần Tuấn Khải, thực sự đã trở thành những kẻ lảng tránh việc đời, những người thừa, những anh xẩm hát rong “nhàn lai vô sự lại ngâm tràn làm vui”. Có thể nói, anh đồ, anh khoá đã hết đất sống. Cách duy nhất là an bản lạc đạo:

Cuộc văn chương đã đến khi tàn,
Thôi thì đạo đức với thanh nhàn là hay.
(*Anh đồ*, KSL, tr.74)

Cuộc văn chương mà Trần Tuấn Khải nói đến ở đây chính là cái văn chương Hán học, Nho học. Còn văn chương theo lối mới thì không phải đã đến khi tàn mà đang là khúc dạo đầu cho một thời đại mới. Tản Đà và nhiều người cùng thời với Trần Tuấn Khải đã bắt kịp với loại văn chương mới ấy, loại văn chương bán phố phường mà những người “đạo cao đức trọng” như Á Nam Trần Tuấn Khải không muốn dấn thân vào. Trần Tuấn Khải đã được khẳng định được bản lĩnh của mình trong tư thế một nhà nho. Đó chính là tâm sự của một anh khoá, anh đồ sinh không gặp thời, có tri thức mà không biết làm gì, chỉ biết trách trời:

Sống chẳng nên câu không khác chết,
Vui mà quá độ lại thêm thương,
Đã toan tu quách cho xong chuyện,
Giận cái tơ tầm khéo vấn vương.

(*Trách hoàng thiên*, KSL, tr.108)

Như vậy, xét trên các mặt, tình, điệu, thức thì thơ Trần Tuấn Khải vẫn nằm trong quỹ đạo của thơ cũ. Nhưng nó đã bộc lộ những sự nỗ lực để cải biên, đổi mới theo hướng hiện đại. Có thể nói, thơ Trần Tuấn Khải đã phản ánh thực trạng của thơ trữ tình công khai giai đoạn trước Thơ Mới. Nó là đêm hôm trước của một thời đại trong thi ca mà Phong trào Thơ Mới đã đạt được trong giai đoạn 1932-1945.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alex Preminger (Editor) *Princeton Encyclopedia of Poetry and Poetics*, Princeton University Press, 1974, tr.286.
2. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức, *Thơ ca Việt Nam, hình thức và thể loại*, NXB KHXH, H. 1971, tr.39; tr.41.
3. Đặng Thai Mai, *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX*, NXB Văn học, H. 1974, tr.38.
4. Nhiều tác giả, *Từ điển văn học*, T.2, NXB KHXH, H.1983, tr.438.
5. Trần Đình Hượu, Lê Chí Dũng, *Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời 1900-1930*, NXB DH và Giáo dục CN, H.1988, tr.77; 302.
6. Trần Đình Hượu, Lê Chí Dũng, *Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời 1900-1930*, NXB DH và Giáo dục CN, H.1988, tr.297.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN, T.XXII, N_o3, 2006

TO COMPARE THE TRAN TUAN KHAI'S POEMS WITH NEW POETRY ABOUT THE FORM

Assoc.Prof. Dr. Nguyen Ba Thanh

*Department of Literature,
College of Social Sciences and Humanities, VNU*

About the form and genre, Tran Tuan Khai's Poems and New Poetry (Movement) are different. This difference shows on three aspects: Emotion, Rythm and Form. Emotion in Tran Tuan Khai's poems is moral confucianist emotion. Rythm in his poems is classically and traditional. He did not innovate his poems by modernisation of feeling and thinking. In Tran Tuan Khai's poems we don't find democratic spirit and revolutionary ideas as in the poems of revolutionary poets. We don't find any new form neither. The form of genre in his poems is still traditional. The rhyme poems occupy an important position in Tran Tuan Khai's poems (60%). The other poems weren't written by a free form but they were written by a declension of the sin-eight-word distich metre. In particular, Tran Tuan Khai was successful in usage a lot of popular genres. However, he made a considerable contribution to modernisation Vietnamese poetry while breaking some old genres. He prepared to appearance of one new genre: eight-word-line poems, the most important genre of New Poetry Movement